

Số: 47/QĐST-HNGĐ

Bá Thước, ngày 12 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 32/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T - sinh năm 1999;

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H.

Nơi ở hiện nay: Khu phố Đ K, thị trấn M L, huyện M L, tỉnh T H.

Bị đơn Anh Bùi Văn G; sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ T, huyện B T, tỉnh T H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 điều 147-BLTTDS năm 2015, vào điểm đ khoản 1; khoản 3 Điều 12; khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2022

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Bùi Văn G.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Bùi Văn G tự nguyện thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Chị T và anh G thoả thuận: Ly hôn anh G trực tiếp nuôi dưỡng

con chung là cháu Bùi Thị Việt H, sinh ngày 16/7/2019 cho đến tuổi thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Chị Lò Thị T là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Anh Bùi Văn G không thuộc đối tượng được miễn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga